

BÀI 3 MỘT SỐ VẤN ĐỀ MANG TÍNH TOÀN CẦU

Bài 1 Trang 8 Tập Bản Đồ Địa Lí: Em hãy đánh dấu × vào ô trống ý em cho là đúng nhất:

Sự bùng nổ dân số sẽ xảy ra:

- ☐ Khi tỉ suất sinh thô rất cao
- ☐ Khi tỉ suất sinh thô rất thấp
- ☐ Gia tăng dân số tự nhiên cao
- ☐ Tất cả các ý trên

Lời giải :

- ☒ Gia tăng dân số tự nhiên cao

Bài 2 Trang 8 Tập Bản Đồ Địa Lí: Dựa vào bảng 3.1 trong SGK, hãy vẽ biểu đồ hình cột thể hiện tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên qua các thời kì (1960 – 2005).

BẢNG 3.1. TỈ SUẤT GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN TRUNG BÌNH NĂM

(Đơn vị : %)

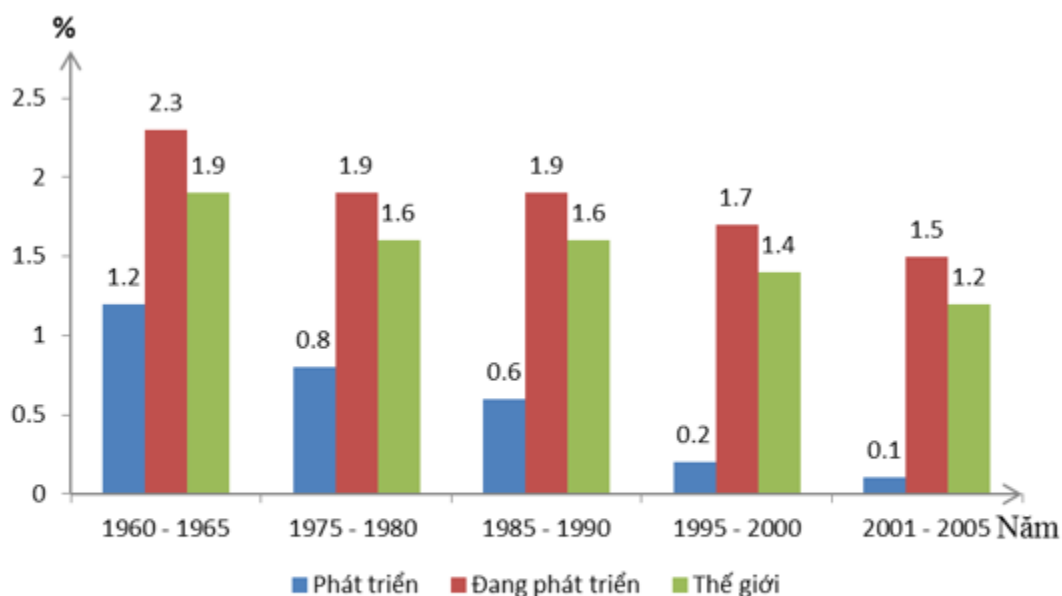
Giai đoạn Nhóm nước	1960 – 1965	1975 – 1980	1985 – 1990	1995 – 2000	2001 – 2005
Phát triển	1,2	0,8	0,6	0,2	0,1
Đang phát triển	2,3	1,9	1,9	1,7	1,5
Thế giới	1,9	1,6	1,6	1,4	1,2

- Từ biểu đồ đã vẽ và những kiến thức của bản thân, em hãy hoàn thành tiếp các nhận xét dưới đây:

(1) Từ những năm 1960 đến năm 1990 ở các nước phát triển, tỉ suất gia tăng dân số là từ % đến Đặc biệt là từ năm 1995 đến nay, tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên giảm xuống còn từ % đến%.

(2) Ở các nước đang phát triển, thời kì 1960 – 1990 tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên từ% đến% . Trong thời kì 1995 đến nay, tỉ suất này giảm xuống còn% đến%.

Lời giải:



Biểu đồ thể hiện tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên trung bình năm của các nhóm nước

(1) Từ những năm 1960 đến năm 1990 ở các nước phát triển, tỉ suất gia tăng dân số là từ **1,2 %** đến **0,1 %**. Đặc biệt là từ năm 1995 đến nay, tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên giảm xuống còn từ **0,2 %** đến **0,1%**.

(2) Ở các nước đang phát triển, thời kì 1960 – 1990 tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên từ **2,3%** đến **1,5%** . Trong thời kì 1995 đến nay, tỉ suất này giảm xuống còn **1,7%** đến **1,5%**.

Bài 3 Trang 9 Tập Bản Đồ Địa Lí: Dựa vào bảng 3.2 trong SGK, em hãy:

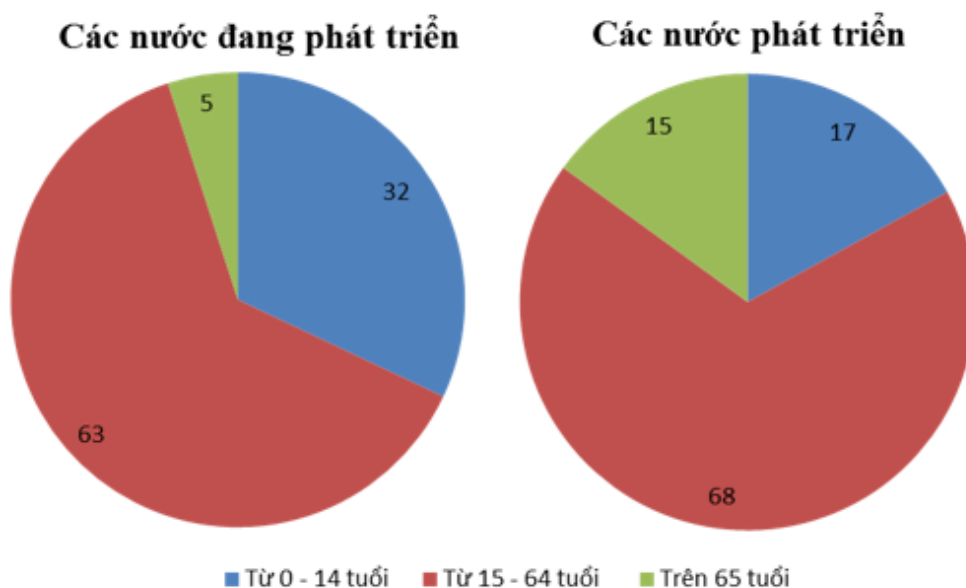
- Vẽ biểu đồ hình tròn thể hiện cơ cấu dân số theo nhóm tuổi giai đoạn 2000 – 2005.
- Hãy so sánh và phân tích cơ cấu dân số ở hai nhóm nước trên:

BẢNG 3.2. CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI, GIAI ĐOẠN 2000 – 2005

(Đơn vị : %)

Nhóm tuổi \ Nhóm nước	0 – 14	15 – 64	65 trở lên
Đang phát triển	32	63	5
Phát triển	17	68	15

Lời giải:



Biểu đồ thể hiện cơ cấu dân số theo nhóm tuổi giai đoạn 2000 – 2005

- Hãy so sánh và phân tích cơ cấu dân số ở hai nhóm nước trên:

(1) Số người dưới độ tuổi lao động (0 – 14 tuổi) ở các nước đang phát triển lớn chiếm 32%, trong khi đó nhóm nước phát triển chỉ chiếm 17%. Số người trên độ tuổi lao động

(trên 65 tuổi) ở nhóm nước đang phát triển lại thấp hơn chỉ 5% trong khi nhóm nước phát triển là 15%.

(2) Số người trong độ tuổi lao động (15 – 64 tuổi) cả 2 nhóm nước đều cao, tuy nhiên nhóm nước đang phát triển thấp hơn một chút. Nhưng nguồn lao động bổ sung của nhóm nước đang phát triển cao hơn, nên xu thế trong tương lai số người trong độ tuổi lao động của nhóm nước đang phát triển sẽ tăng lên nhanh chóng.

Bài 4 Trang 9 Tập Bản Đồ Địa Lí: Nguồn nhân lực trẻ và đông ở các nước đang phát triển tác động như thế nào đến kinh tế-xã hội:

Lời giải:

(1) Cung cấp nhân lực cho nền kinh tế và xã hội: Nguồn lao động trẻ, khỏe, tiếp thu khoa học kỹ thuật nhanh nhạy, đáp ứng đủ cho nhu cầu nhân lực của nền kinh tế xã hội.

(2) Về việc đáp ứng nhu cầu giáo dục, y tế, vấn đề nhà ở, cung cấp lương thực, thực phẩm: Trẻ em quá đông, các nhu cầu về giáo dục, y tế, nhà ở và lương thực là rất lớn, tuy nhiên, nền kinh tế các nước đang phát triển chưa thể đáp ứng được đầy đủ cho các nhu cầu đó.

(3) Những vấn đề về việc làm cho lực lượng lao động này: dân số đông, nền kinh tế chưa phát triển toàn diện, việc phân công lao động vẫn còn khó khăn, tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm ở mức cao.

Bài 5 Trang 9 Tập Bản Đồ Địa Lí: Những vấn đề cần giải quyết khi có dân số già quá nhiều:

Lời giải:

+ Tỉ lệ người phụ thuộc cao, phúc lợi xã hội lớn.

+ Thiếu nguồn lao động bổ sung

+ Nguy cơ giảm dân số.

Bài 6 Trang 10 Tập Bản Đồ Địa Lí : Vấn đề ô nhiễm môi trường là một thách thức lớn mà bất kì quốc gia nào trên thế giới cũng phải đối mặt (Ở mức độ khác nhau):

(1) Hãy điền chữ Đ vào ô trống ý em cho là đúng, chữ S vào ô sai:

- ☐ Lượng khí CO₂ tăng gây hiệu ứng nhà kính
- ☐ Làm băng tan nhanh ở Bắc Cực, Nam Cực và những đỉnh núi cao
- ☐ Làm tăng nhiệt độ trung bình của trái đất(0.6 C/100 năm)
- ☐ Câu còi tốt tươi màu màng bội thu
- ☐ Một số nơi có hiện tượng sa mạc hóa
- ☐ Những hiện tượng thời tiết, khí hậu bất thường xảy ra với tần suất ngày càng gia tăng
- ☐ Nhiều nơi xảy ra hiện tượng mưa axit

(2) Hãy điền tiếp vào chỗ chấm (...) ở bảng dưới sao cho phù hợp:

Ô nhiễm nguồn nước ngọt, ô nhiễm biển đại dương	Suy giảm sự đa dạng sinh học
Chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt đổ vào sông, hồ, biển, đại dương, gây ô nhiễm. Hậu quả là trên thế giới hiện nay có khoảng trong đó có trên 1 tỉ	Việc khai thác của con người làm cho nhiều bị Hậu quả là nhiều loài

người ở các nước thiếu nước sạch.	
---	--

(3) Trong các nguồn gây ô nhiễm ở Việt Nam, nguồn gây ô nhiễm chính nào có tác hại đến nuôi trồng thủy sản và đời sống nhiều nhất?

(4) Với trách nhiệm là một học sinh, em cần phải làm gì để bảo vệ môi trường sống?

Lời giải:

(1)

- ☐ Lượng khí CO₂ tăng, gây hiệu ứng nhà kính
- ☐ Làm tan băng nhanh ở Bắc Cực, Nam Cực và những đỉnh núi cao
- ☐ Làm tăng nhiệt độ trung bình của Trái Đất (0,6⁰C/100 năm)
- ☐ Cây cối tốt tươi, mùa màng bội thu.
- ☐ Một số nơi có hiện tượng sa mạc hóa.
- ☐ Những hiện tượng thời tiết, khí hậu bất thường xảy ra với tần suất ngày càng gia tăng
- ☐ Nhiều nơi xảy ra hiện tượng mưa axit.

(2)

Ô nhiễm nguồn nước ngọt, ô nhiễm biển và đại dương	Suy giảm sự đa dạng sinh học
Chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt chưa được xử lý đổ trực tiếp vào sông, hồ, biển, đại dương, gây ô nhiễm.	Việc khai thác thiên nhiên của con người làm cho nhiều loài sinh vật bị tuyệt chủng hoặc đứng trước nguy cơ tuyệt chủng .

Hậu quả là trên thế giới hiện nay có khoảng 1,3 tỉ người trên toàn cầu trong đó có trên 1 tỉ người ở các nước đang phát triển thiếu nước sạch.	Hậu quả là nhiều loài bị mất đi, mất đi các gen di truyền, nguồn thực phẩm, nguồn thuốc chữa bệnh, nguồn nguyên liệu của nhiều ngành sản xuất.
--	---

(3) Ô nhiễm nguồn nước có tác hại đến nuôi trồng thủy sản và đời sống nhiều nhất.

(4) Phải bảo vệ và cải tạo môi trường bằng cách:

- + Bản thân tự ý thức được vai trò quan trọng của môi trường.
- + Bản thân tự giác bảo vệ môi trường bằng các việc làm thiết thực như: không vứt rác bừa bãi nơi công cộng, thường xuyên vệ sinh nơi ở, khu dân cư mình sinh sống.
- + Sử dụng tiết kiệm nước, tiết kiệm điện.
- + Tham gia các hoạt động trồng cây gây rừng để cải tạo không khí.
- + Tuyên truyền khuyến bảo các hành vi gây ô nhiễm môi trường công cộng.